

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 280; Điều 357; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 30/12/2021, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 104/2021/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

*Nguyên đơn:* Bà Cao Thị L, sinh năm 1947;

Địa chỉ: Tổ 3 khu 2, phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

*Bị đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Tổ 4 khu 2, phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Ngọc T, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Tổ 4 khu 2, phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1. Tính đến ngày 29/12/2021 bà Trần Thị H, ông Lê Ngọc T còn nợ bà Cao Thị L số tiền 28.199.000đ (hai mươi tám triệu một trăm chín mươi chín nghìn đồng) theo Giấy chốt nợ đề ngày 22/8/2021.

Các bên thống nhất phương thức thanh toán khoản nợ như sau:

Chậm nhất đến ngày 06/01/2022 bà Trần Thị H và ông Lê Ngọc T phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán xong cho bà Cao Thị L số tiền 28.199.000đ (hai mươi tám triệu một trăm chín mươi chín nghìn đồng) còn nợ.

Nếu bà Trần Thị H và ông Lê Ngọc T vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết thì bà Cao Thị L có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự thi hành phần nghĩa vụ bà Trần Thị H và ông Lê Ngọc T phải thực hiện.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền theo như cam kết, thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả (lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự).

2.2. Tính đến ngày 29/12/2021 bà Trần Thị H còn nợ bà Cao Thị L số tiền 129.500.000đ (một trăm hai mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng) theo Giấy chốt nợ đề ngày ngày 22/8/2021. Đây là khoản nợ riêng của bà Trần Thị H.

Các bên thống nhất phương thức thanh toán khoản nợ như sau:

- Chậm nhất đến ngày 06/01/2022 bà Trần Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Cao Thị L số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng).

- Số tiền còn lại 117.500.000đ (một trăm mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng), mỗi năm bà Trần Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Cao Thị L 11.750.000đ (mười một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), chậm nhất vào ngày 31/12 hàng năm. Đến ngày 06/01/2032 bà Trần Thị H phải thanh toán xong cho bà Cao Thị L toàn bộ số tiền còn nợ.

Nếu bà Trần Thị H vi phạm bất kỳ một kỳ trả nợ nào như đã thỏa thuận theo phương thức thanh toán đã cam kết thì bà Cao Thị L có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự thi hành phần nghĩa vụ bà Trần Thị H phải thực hiện.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền theo như cam kết, thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả (lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự).

2.3. Về án phí:

Bà Trần Thị H và ông Lê Ngọc T có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm là 704.000 đồng.

Bà Trần Thị H có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm là 3.237.000 đồng.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện và cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- *Đương sự;*
- *VKSND Tp H;*
- *THA Tp H;*
- *TAND tỉnh Quảng Ninh;*
- *Lưu hồ sơ.*

**THẨM PHÁN**

**(Đã ký)**

**Dương Mạnh Chiến**